

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /8/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của nhà hành chính.
- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh 01.
- Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh 02.
- Nguồn thải số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của nhà bảo vệ số 02.
- Nguồn thải số 05: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương phía Tây dự án tại xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả vào mương phía Tây dự án qua 01 cửa xả.
- Tọa độ vị trí xả thải: X(m) = 2236335; Y(m) = 0585580.

(Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105⁰30'; múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Toàn bộ nước thải sau xử lý (từ 05 nguồn) chảy ra mương phía Tây dự án qua 01 cửa xả bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{max} = K_q \times K_f$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$; đối với thông số pH, Coliform thì $C_{max} = C$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (C_{max})		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			C	C_{max}		
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (C_{max})		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			C	C_{max}		
2	COD	mg/l	150	162	04 lần/năm theo đề nghị và cam kết của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
3	BOD ₅	mg/l	50	54		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8		
6	Amoni	mg/l	10	10,8		
7	Clo dư	mg/l	2,0	2,16		
8	Tổng N	mg/l	40	43,2		
9	Tổng P	mg/l	6,0	6,48		
10	Sunfua	mg/l	0,5	0,54		
11	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Từ nguồn số 01 đến nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (04 bể tự hoại với tổng thể tích 36 m³) sau đó theo đường cống PVC D200 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có thể tích 03 m³ sau đó theo đường cống PVC D200 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải phát sinh xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chảy ra mương phía Tây dự án qua 01 điểm xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ: Nước thải các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sau đó thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công

suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Bể điều hòa 1,2 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Modul MBR → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) → Mương phía Tây dự án

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorin với khối lượng 100 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống bể xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, Chủ dự án dừng ngay hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải, cử cán bộ kiểm tra xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục sự cố đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng từ cuối tháng 9/2024 đến tháng 3/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hồ ga của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm trước khi chảy ra mương phía Tây dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 lần/ngày (01 mẫu đầu vào tại bể điều hòa và 01 mẫu đầu ra tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm trước khi chảy ra mương phía Tây dự án trong 03 ngày

liên tiếp (quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) khi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh có văn bản yêu cầu.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.